FireAnt

CTCP Gang thép Cao Bằng (UPCOM: CBI)

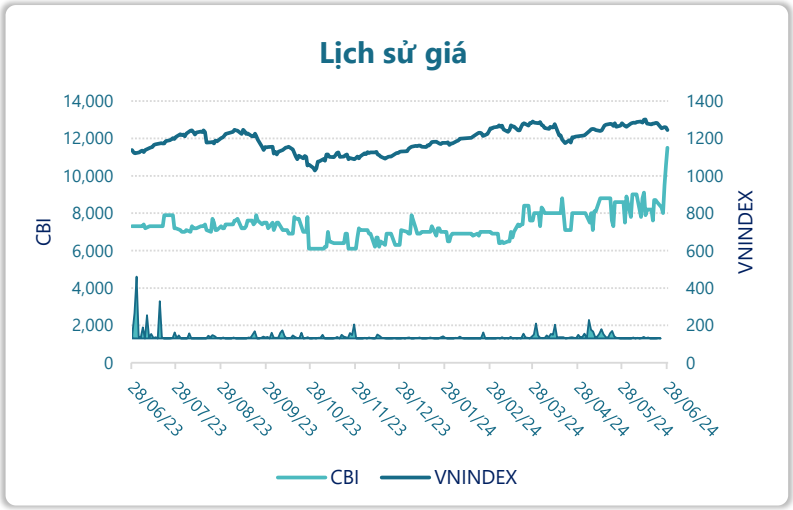

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,100
SL cổ phiếu LH	43,006,366
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,425
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	495
P/E	-39.1
EPS	-294

DT thuần

Q2/24

502

tỷ VNĐ

QoQ: ▼181| -26.5%

YoY: ▼66.0| -11.6%

LN sau thuế

Q2/24

-12.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼13.9| -1441%

YoY: ▼1.30| -11.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

-0.5%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

6T 2024

1,186

tỷ VNĐ

YoY: ▼151| -11.3%

LN sau thuế

6T 2024

-11.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.0| -661%

ROE

Q2/24

-2.9%

+/- YoY: ▲ 4.3%

Kết quả kinh doanh

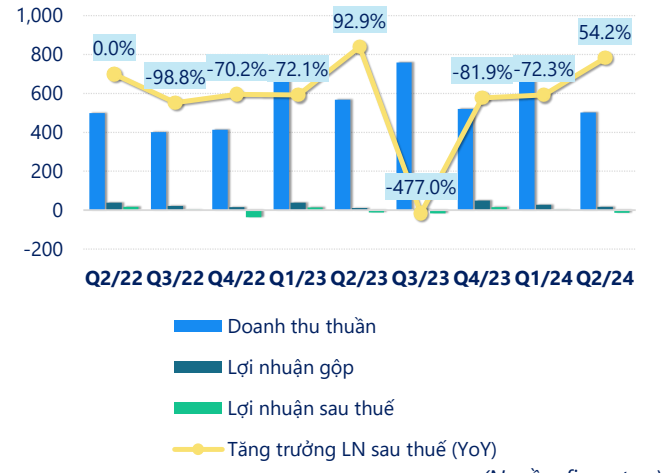

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

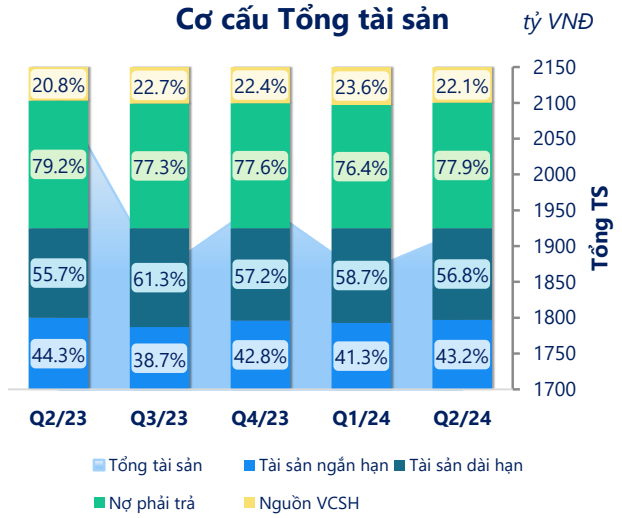

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

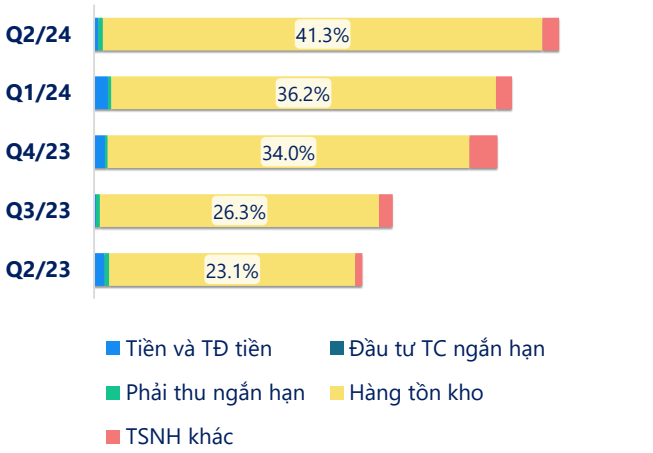

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

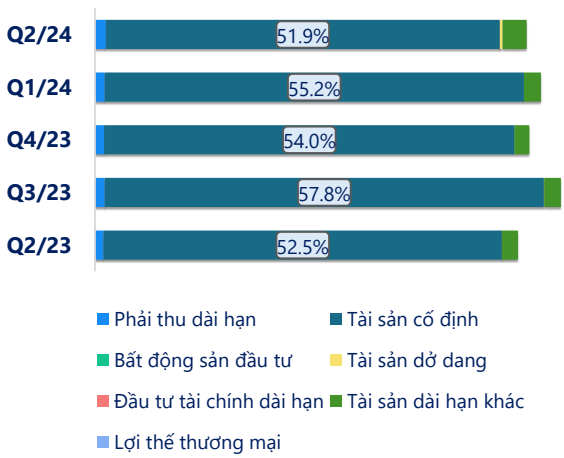

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

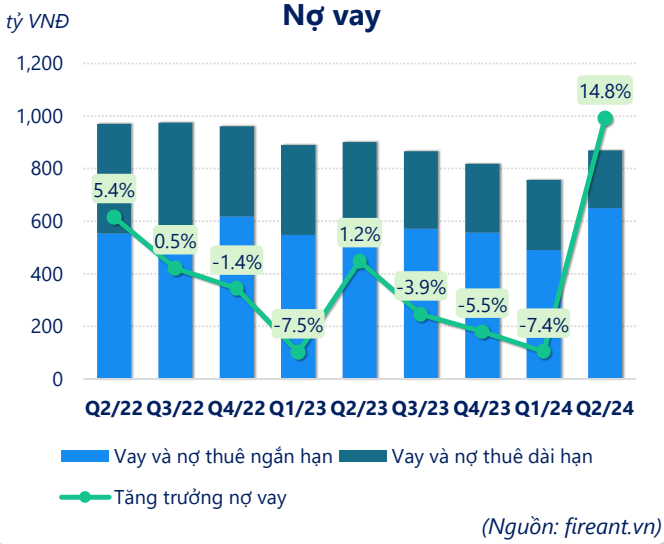

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

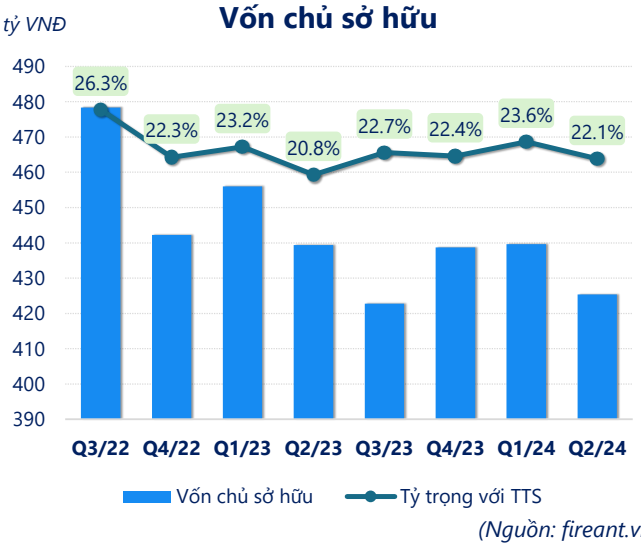

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

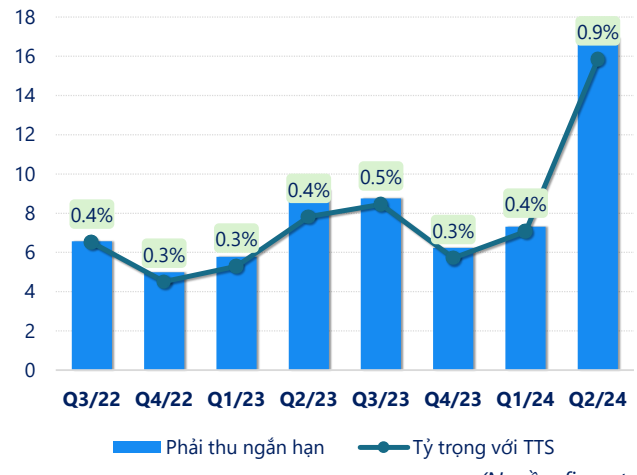

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

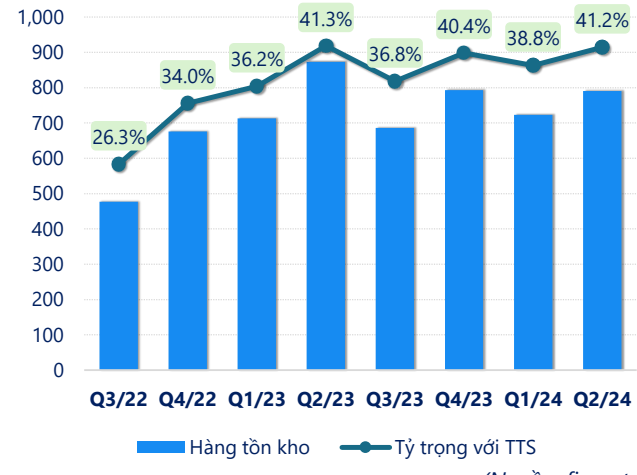

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

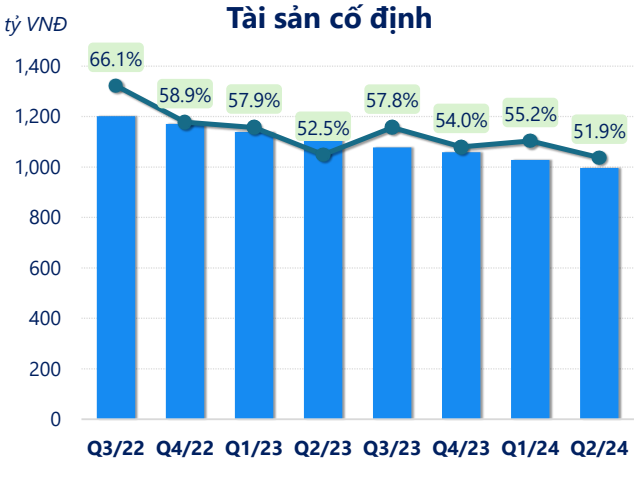

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

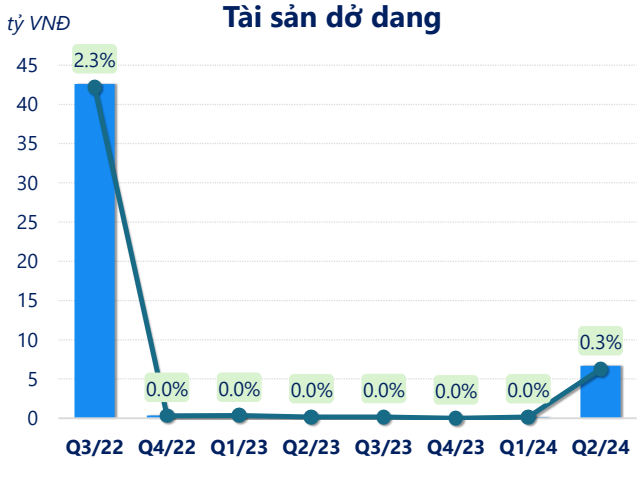

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

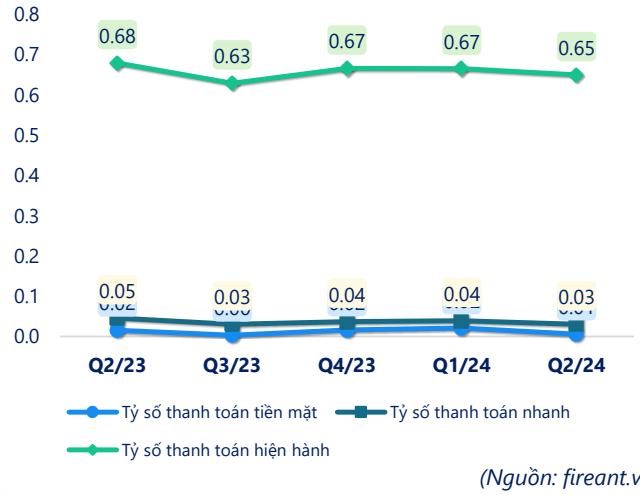

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

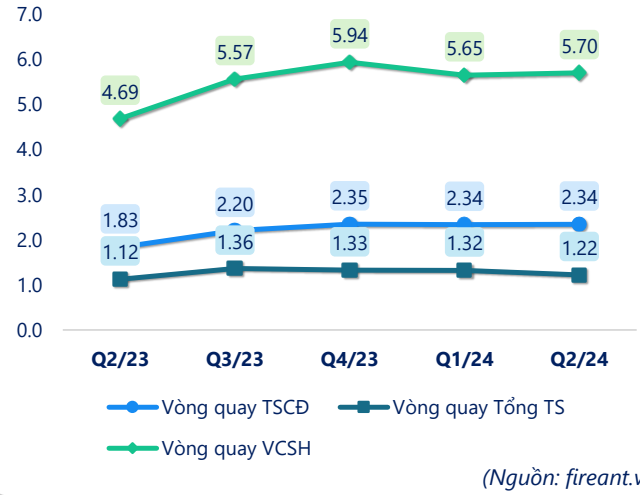

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**2,113**	**1,863**	**1,961**	**1,862**	**1,921**
Tài sản ngắn hạn	**937**	**721**	**840**	**769**	**829**
Tiền và tương đương tiền	21.1	3.59	20.2	24.3	7.51
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	9.18	8.75	6.23	7.31	16.9
Hàng tồn kho	873	686	793	723	790
Tài sản ngắn hạn khác	32.9	22.6	20.5	13.6	14.3
Tài sản dài hạn	**1,176**	**1,142**	**1,121**	**1,094**	**1,092**
Phải thu dài hạn	23.8	23.8	23.8	23.8	27.3
Tài sản cố định	1,108	1,078	1,059	1,028	996
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.18	0.18	0	0.15	6.68
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	44.0	41.0	38.0	41.9	61.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,674**	**1,440**	**1,522**	**1,423**	**1,495**
Nợ ngắn hạn	**1,379**	**1,146**	**1,261**	**1,155**	**1,276**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	606	571	557	490	650
Phải trả người bán ngắn hạn	558	462	393	535	581
Nợ dài hạn	295	295	261	268	220
Vay và nợ thuê dài hạn	295	295	261	268	220
Nguồn vốn chủ sở hữu	**439**	**423**	**439**	**440**	**425**
Vốn chủ sở hữu	**439**	**423**	**439**	**440**	**425**
Vốn điều lệ	430	430	430	430	430
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)